TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST.
Ngày: 30-5-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - TỈNH KIÊN GIANG

Thphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lâm Tấn Đạt.

2. Bà: Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phùng Trung T (tên gọi khác S), sinh năm 1977; Nơi sinh: huyện M T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: 64Z/4 ấp P H A, xã P H, huyện L H, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con: Phùng Văn N, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Mai Thị A, sinh năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1974; Con: 01 người con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 13/8/1999 bị Tòa án án nhân dân huyện M T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" (Đã xóa án tích).

+ Ngày 20/7/2012 bị Tòa án án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong ngày 30/4/2013 (đã xóa án tích).

+ Ngày 23/12/2016 bị Công an tỉnh Vĩnh Long xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép số tiền 1.500.000 đồng (đã nộp xong ngày 05/01/2017).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2018, đến ngày 08/3/2018 thì thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho gia đình bảo lãnh" đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Công Th, sinh năm 1998; Nơi sinh: Thphố V L, tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký HKTT: ấp T Q Đ, xã T A, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long; Chổ ở hiện nay: Khóm 2, Phường 5, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1980; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2018, đến ngày 08/3/2018 thì thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho gia đình bảo lãnh" đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Thanh Đ, sinh năm 1978 (tên gọi khác T1); Nơi sinh: huyện C B, tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã H H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: 55A đường N D, phường 1, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Con: 01 người con, sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2018, đến ngày 08/3/2018 thì thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho gia đình bảo lãnh" đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại:* Ông Dương Minh Th1, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: Ấp X K, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T A A, xã C A, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Võ H G, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X K, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp M H, xã C A, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

+ Bà Cao Diễm X, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: K 4, thị trấn C N, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016, Cao Diễm X và Dương Minh Th1 có quan hệ tình cảm với nhau và Th1 có hỏi mượn X với số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Đến khoảng tháng 10/2017 giữa X và Th1 xảy ra mâu thuẫn, X đòi tiền nhiều lần nhưng Th1 không trả mà còn hăm dọa nhắn tin xúc phạm. X nói Th1 thiếu nợ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Vào ngày 17/12/2017 Cao Diễm X cùng Nguyễn Thị H (mẹ ruột của X) cùng với Phùng Trung T và Nguyễn Công Th đi từ tỉnh Vĩnh Long xuống nhà Th1 để đòi nợ nhưng không gặp Th1, sau đó T có hành vi đập phá tải sản trong nhà Th1 rồi bỏ về.

Trong thời gian này Th1 tiếp tục nhắn tin đe dọa X đòi tạt axit và đi lên công ty chỗ X làm để kiếm X nhưng không gặp. X mới điện thoại cho bà H và nói toàn bộ sự việc Th1 thiếu nợ không trả mà còn hâm dọa. Do bức xúc hành vi của Th1 nên vào ngày 08/01/2018 Nguyễn Thị H điện thoại cho T nhờ T xuống nhà của Th1 để gặp Th1 đối chiếu số tiền nợ mà Th1 thiếu Xuân.

Vào ngày 09/01/2018 Phùng Trung T rủ Nguyễn Công Th, Trần Thanh Đ đi xuống nhà Th1, sau đó T thuê xe ô tô biển kiểm soát 64A-050.30 của anh Trần Quốc T1 chạy từ Vĩnh Long xuống nhà Th1. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì cả nhóm chạy xe ô tô đến nhà bà Trương Thị Kim A ở ấp X K, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang (cách nhà Th1 khoảng 50 m). T, Th, Đ đi vào nhà bà A ngủ nhờ, còn T1 chạy xe đến khu đất trống cách đó 300m để ngủ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 10/01/2018, T cầm theo dao xếp, Th cầm đèn pin chích điện, Đ không cầm gì. Cả 03 người đi lại nhà Th1, khi đến nhà thì T đi thẳng vào nhà gặp Th1, T dùng tay câu cổ Th1 kéo Th1 ra ngoài, lúc này trên tay Th1 đang cầm cây dao thái lan dùng để gọt dưa leo, Th1 vùng vẫy thì Th cầm đèn pin chích điện chạy vào chích vào người Th1. Sau đó T và Th dùng tay, chân đánh đá tới tấp vào người Th1, Th1 vùng vẫy thì Đ chạy lại tước cây dao trên tay của Th1. Sau đó cả 03 người kéo Th1 ra sân, lúc này Đ chạy lại xe ô tô kêu T1 chạy xe lại, Th1 không chịu lên xe thì T nói "mầy không đi tao đâm chết mầy" sau đó Th, Đ, T khống chế bắt Th1 lên xe ô tô, chạy đi được khoảng 07 km thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

- Vật chứng trong vụ án:

+ 01 (một) chiếc xe ô tô biển kiểm soát 64A-00530 nhãn hiệu ISUZU (xe 07 chỗ ngồi) màu đen; 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô 64A-00530 tên Nguyễn Thị N, cấp ngày 09/3/2017, nơi cấp Công an tỉnh Vĩnh Long; 01 (một) cây dao thái lan dài 25cm, thân dao bằng kim loại, cán bằng cây, trên cán dao có ghi chữ MASTERWORK; 01 (một) cây dao thái lan dài 20cm, thân làm bằng inox, cán nhựa màu vàng; 01 (một) cây dao xếp làm bằng inox dài 15cm hiệu USA; 01 (một) cây đèn pin màu đen hiệu FLASHLIG.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã ra Quyết định số 01/QĐ-CQĐT ngày 06/02/2018 Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Trần Quốc T1 gồm: 01 (một) chiếc xe ô tô biển kiểm soát 64A-00530 nhãn hiệu ISUZU (xe 07 chỗ ngồi) màu đen và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô 64A-00530 tên Nguyễn Thị N, cấp ngày 09/3/2017, nơi cấp Công an tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CTr-VKS ngày 30/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ về tội: "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Trung T từ 09 đến 12 tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Th từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo, cùng gia đình và người bị hại Dương Minh Th1 đã thỏa thuận khắc phục xong. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao thái lan dài 25cm, thân dao bằng kim loại, cán bằng cây, trên cán dao có ghi chữ MASTERWORK; 01 (một) cây dao thái lan dài 20cm, thân làm bằng inox, cán nhựa màu vàng; 01 (một) cây dao xếp làm bằng inox dài 15cm hiệu USA; 01 (một) cây đèn pin màu đen hiệu FLASHLIG.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng đã nêu và đồng ý với quan điểm truy tố, các đề nghị về điều luật áp dụng, mức đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Dương Minh Th1 thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu và lời trình bày của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự gia đình các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ đã khắc phục bồi thường thiệt hại xong, ông Th1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự ông Th1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo trình bày: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã nhận thức được hành vi sai trái của mình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sữa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh Thượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai các bị cáo, lời khai người làm chứng, cùng các chứng cứ

đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Do bức xúc hành vi của Dương Minh Th1 trong việc Th1 nợ tiền Cao Diễm X không trả mà còn hâm dọa, xúc phạm X nên vào ngày 08/01/2018 Nguyễn Thị H (mẹ ruột của X) điện thoại nhờ Phùng Trung T xuống nhà Th1 để gặp và đối chiếu số tiền nợ mà Th1 còn nợ X. Vào ngày 09/01/2018 Phùng Trung T rủ Nguyễn Công Th, Trần Thanh Đ cùng thuê xe ô tô chạy từ Vĩnh Long xuống nhà Th1. Đến khoảng 09 giờ, ngày 10/01/2018 thì Tín, Thành, Đ vô nhà Th1 rồi dùng vũ lực, khống chế bắt Th1 lên xe ô tô, chạy đi được khoảng 07 km thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, cũng như các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ đã cấu thành tội: "Bắt người trái pháp luật" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 157 Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ việc người bị hại nợ tiền Cao Diễm X, sự việc không liên quan đến các bị cáo nhưng khi được bà Nguyễn Thị H (mẹ của X) nhờ xuống gặp người bị hại Th1 để đối chiếu khoản nợ giữa X với Th1, khi gặp Th1 các bị cáo thể hiện bản chất hung hãn dùng vũ lực, khống chế để bắt Th1 đưa lên xe ô tô trái với ý muốn của Th1. Các bị cáo nhận thức được việc bắt người mà không có lệnh của người có thẩm quyền và cũng không thuộc trường hợp bắt người phạm tội quả tang hay bắt người có lệnh truy nã là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, sự tự do hoạt động, tự do dịch chuyển thân thể con người, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và mất an ninh trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không thể hiện vai trò tổ chức; phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi bắt người bị hại Dương Minh Th1. Khi nghe bị cáo T rủ đi tìm Th1 đối chiếu nợ thì bị cáo Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ đồng ý cùng đi. Do đó, khi hậu quả xảy ra các bị cáo cùng phải gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên, để cá thể hình phạt, cần xem xét đánh giá hành vi, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Phùng Trung T: Bị cáo là người lôi kéo các bị cáo Th và Đ phạm tội, khi gặp Th1 lẻ ra bị cáo đối chiếu nợ như yêu cầu của bà H, nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi câu cổ lôi kéo Th1 từ trong nhà ra lộ và lên xe, khi Th1 phản ứng, không chịu lên xe thì bị cáo cầm dao hâm dọa "mầy không đi tao đâm mày chết". Do đó, cần

có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ: Các bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực trong việc cùng bị cáo T bắt người bị hại Th1. Điều đó thể hiện ở việc bị cáo Th dùng cây đèn pin chích điện vào người Th1 và cùng bị cáo Đ lôi, bắt Th1 lên xe. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1 Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, Th và Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Về tình tiết giảm nhẹ:

4.2.1 Đối với bị cáo T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường cho người bị hại để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, quá trình xét xử người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Mẹ ruột của bị cáo là bà Mai Thị A được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

4.2.2 Về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường cho người bị hại để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

+ Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, Th và Đ được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ răn đe và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, sửa đổi thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được ghi nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

7.1 Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao thái lan dài 25cm, thân dao bằng kim loại, cán bằng cây, trên cán dao có ghi chữ MASTERWORK; 01 (một) cây dao thái lan dài 20cm, thân làm bằng inox, cán nhựa màu vàng; 01 (một) cây dao xếp làm bằng inox dài 15cm hiệu USA; 01 (một) cây đèn pin màu đen hiệu FLASHLIG, theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 06/QĐ-CGVC, ngày 30/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng.

+ Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc xe ô tô biển kiểm soát 64A-00530 nhãn hiệu ISUZU (xe 07 chỗ ngồi) màu đen và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô 64A-00530 tên Nguyễn Thị N, cấp ngày 09/3/2017, nơi cấp Công an tỉnh Vĩnh Long. Ngày 06/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐ-CQĐT, trả lại cho chủ sở hữu ông Trần Quốc T1 theo đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không xem xét.

7.2 Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo T, Th và Đ đã thỏa thuận khắc phục bồi thường thiệt hại cho người bị hại Dương Minh Th1 xong, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

7.3 Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ phạm tội: "Bắt người trái pháp luật".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Trung T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời điểm tính thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Trung T cho Ủy ban nhân dân xã P H, huyện L H, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Th 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời điểm tính thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Công Th cho Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh Đ 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời điểm tính thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao thái lan dài 25cm, thân dao bằng kim loại, cán bằng cây, trên cán dao có ghi chữ MASTERWORK; 01 (một) cây dao thái lan dài 20cm, thân làm bằng inox, cán nhựa màu vàng; 01 (một) cây dao xếp làm bằng inox dài 15cm hiệu USA; 01 (một) cây đèn pin màu đen hiệu FLASHLIG, theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 06/QĐ-CGVC, ngày 30/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo T, Th và Đ đã thỏa thuận khắc phục bồi thường thiệt hại cho người bị hại Dương Minh Th1 xong, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phùng Trung T, Nguyễn Công Th và Trần Thanh Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan THA Dân sự huyện U Minh Thượng;
- Công an huyện U Minh Thượng;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa